ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học: | BỆNH HỌCNỘI KHOA - NGỌAI KHOA |
| * Mã môn học: | 61002032 |
| * Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng:   🗆 Kiến thức cơ bản  🗆 Kiến thức chuyên ngành  🗆 Môn học chuyên về kỹ năng | ☑ Kiến thức cơ sở ngành  🗆 Kiến thức khác  🗆 Môn học đồ án/ luận văn tốt nghiệp |
| * Số tín chỉ: | 2 tín chỉ (2 lý thuyết) |
| + Số lý thuyết/ số buổi: | 30 tiết lý thuyết (8 buổi) |
| * Môn học tiên quyết: | …. |
| * Môn học song hành: | …. |

1. **Mô tả môn học:**

Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung môn học cung cấp những kiến thức về nguyên nhân, sinh lý bệnh, các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và chẩn đoán phân biệt một số bệnh nội - ngoại khoa thông thường. Môn học còn cung cấp kiến thức về nguyên tắc chăm sóc và điều trị bệnh cũng như cách thức phòng ngừa một số bệnh nội, ngoại khoa

1. **Nguồn học liệu**

***Giáo trình***

[1] Bộ môn Ngoại Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh 2011 – Triệu chứng học ngoại khoa – NXB Y Học

[2] Bộ môn Ngoại Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh 2011 – Bệnh học ngoại khoa tiêu hóa – NXB Y Học

***Tài liệu khác***

[3] Bộ môn Ngoại Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh 2011 – Điều trị ngoại khoa tiêu hóa – NXB Y Học

[4] Bộ môn Chấn thương chỉnh hình Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh 2008 – Bài giảng chấn thương chỉnh hình và phục hồi chức năng – Tài liệu lưu hành nội bộ

[5] Bộ môn Điều dưỡng Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh 2014 – Kỹ thuật điều dưỡng – NXB Y Học

[6] Đại học Hà Nội 2008 – Điều dưỡng ngoại khoa 1, 2 – NXB Giáo Dục.

[7] Bộ môn Nội Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh 2012 – Bệnh học nội khoa – NXB Y Học

[8] Bộ môn Nội Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh 2012 – Điều trị nội khoa – NXB Y Học

[9] Bộ môn Điều dưỡng Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh 2014 – Kỹ thuật điều dưỡng – NXB Y Học

1. **Mục tiêu môn học**

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| MT1 | Nêu được định nghĩa, nguyên nhân, và yếu tố nguy cơ gây ra các bệnh nội khoa, ngoại khoa | C1 |
| MT2 | Mô tả được sinh lý bệnh, nêu được triệu chứng lâm sàng các bệnh nội khoa, ngoại khoa | C1 |
| MT3 | Nêu được các xét nghiệm cận lâm sàng cần thiết để chẩn đoán bệnh và nêu được các chẩn đoán phân biệt | C1 |
| MT4 | Nêu được nguyên tắc điều trị, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh, tư vấn BN cách tự chăm sóc tại nhà và cách thức dự phòng các bệnh nội khoa, ngoại khoa | C1, C3 |

1. **Đánh giá môn học**

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **MT môn học** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| A1. Đánh giá thường xuyên | Kiểm tra đột xuất 15p hoặc điểm danh chuyên cần | MT1, MT4 | 10% |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | Kiểm tra viết 30p hoặc thuyết trình | MT2 | 20% |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | Kiểm tra trắc nghiệm cuối môn | MT1, MT2, MT3, MT4 | 70% |

1. **Nội dung và phương pháp giảng dạy**

| **Nội dung** | **Số tiết** | | **Mục tiêu** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | **Tự học** |
| Tăng huyết áp | 1 | 2 | MT1,2,4 | A1, A3 |
| Nhồi máu cơ tim | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A3 |
| Suy tim | 1 | 2 | MT1,2,4 | A1, A3 |
| Thiếu máu | 1 | 2 | MT1,2,3 | A3 |
| COPD | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A3 |
| Viêm phổi | 1 | 2 | MT1,2,4 | A3 |
| Tràn dịch màng phổi | 1 | 2 | MT1,2,3 | A3 |
| Xơ gan | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A1, A3 |
| Viêm loét dạ dày – tá tràng | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A3 |
| Xuất huyết tiêu hóa | 1 | 2 | MT1,2,3 | A2, A3 |
| Viêm cầu thận cấp | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A3 |
| Nhiễm trùng tiết niệu | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A2, A3 |
| Suy thận | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A3 |
| Basedow | 1 | 2 | MT1,2,3 | A3 |
| Đái tháo đường | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A2, A3 |
| Viêm ruột thừa cấp | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A1, A3 |
| Viêm phúc mạc | 1 | 2 | MT1,2,3 | A3 |
| Chấn thương bụng kín – vết thương thấu bụng | 1 | 2 | MT1,2,3 | A1, A3 |
| Ung thư dạ dày | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A2, A3 |
| Ung thư đại trực tràng | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A3 |
| Tắc ruột | 1 | 2 | MT1,2,3 | A2, A3 |
| Sỏi mật | 1 | 2 | MT2,3,4 | A3 |
| Chấn thương thận, niệu đạo | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A3 |
| Sỏi tiết niệu | 1 | 2 | MT2,3,4 | A3 |
| Gãy xương | 1 | 2 | MT2,3,4 | A3 |
| Chấn thương ngực | 1 | 2 | MT2,3 | A3 |
| Chấn thương sọ não | 1 | 2 | MT1,2, | A1, A3 |
| Ung thư tuyến giáp | 1 | 2 | MT2,3 | A3 |
| Sốc chấn thương | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A3 |
| Bỏng | 1 | 2 | MT1,2,3,4 | A3 |
| **Tổng cộng** | **30** | **60** |  |  |

1. **Quy định của môn học**

Ngoài Qui chế 456/QĐ – ĐHYD và quyết định số 5152/QĐ - ĐHYD sinh viên phải:

* Phải hoàn thành đúng thời hạn các bài tập được giao, dự đủ các bài kiểm tra và bài   
  thi cuối môn.
* Điểm tổng kết môn học = (điểm A1\* 20% +A2\* 20% +A3\* 60%)

Trong đó:

* A 1: Điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 10%.
* A 2: Điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 20%.
* A 3: Điểm thi cuối môn, trọng số 70%. Bài thi lý thuyết (trắc nghiệm hay tự luận)

*(Tất cả các điểm được đánh giá theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân, riêng điểm môn học sau đó sẽ được chuyển thành điểm chữ theo quy định của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ)*

1. **Phụ trách môn học**

* Khoa/ Bộ môn: Bộ môn Bệnh học lâm sàng khoa điều dưỡng kỹ thuật y học
* Địa chỉ liên hệ: 201 Nguyễn Chí Thanh, lầu 1 khu B
* Điện thoại liên hệ: BS Nguyễn Ngọc Thương - 01286060090

Thời gian giảng dạy: Các buổi chiều T2 & T3 từ 25/10/2021-19/11/2021